

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 17-01-2022  
V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Mộng Tuyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Tuyền và ông Lương Tấn Nghị

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lam – Thư ký TAND huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 17/01/2022, tại trụ sở TAND huyện T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2021/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021; về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/12/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị N, sinh năm 2000; Có mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

2. *Bị đơn:* Công Văn P, sinh năm 1989; Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:*

Về hôn nhân: Vợ chồng tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào năm 2018. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vì vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân là do bị đơn hiếm muộn không sinh được con. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn, nay chị N xin ly hôn với anh P.

Về con chung: Không có.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Công Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp ly hôn; bị đơn có hộ khẩu tại huyện T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện T theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của BLTTDS.

[1.2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Thị N và bị đơn Công Văn P tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân có đăng ký tại UBND xã H vào ngày 06/8/2018 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vì vợ chồng bất đồng quan điểm hay cãi nhau; sự việc nêu trên có xác nhận của UBND xã H. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Không có nên HĐXX không xét.

[2.3] Về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 227 BLTTDS; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị N.

1. Về hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Thị N được ly hôn với bị đơn Công Văn P.

2. Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ sơ thẩm, đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002373 ngày 21/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Yên.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Phong  
(GCNKH số 66 ngày 06/8/2018)
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THADS huyện Tây Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Mộng Tuyền**

